

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2024/DS-PT**

Ngày 12-03-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 142/2023/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Thanh H**, sinh năm 1975; Địa chỉ: **Số C đường L, Phường I, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh**. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Đoàn Huy H1**, sinh năm 1969. Địa chỉ: **số C đường L, phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** là người đại diện theo uỷ quyền, theo văn bản uỷ quyền ngày 27/2/2024. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Trần Ngọc K**, sinh năm: 1974, Thường trú tại: **số A, đường C, khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng**. (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Bà **Bùi Thị Kim H2** là nguyên đơn và bà **Trần Ngọc K** là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện lập ngày 03 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Do quen biết nên bà Bùi Thị Thanh H có cho bà Trần Ngọc K mượn tiền để làm hồ sơ xin visa đi Mỹ với tổng số tiền là 100.000.000 đồng, với hình thức đưa và thời gian cụ thể:

- Vào ngày 22/02/2023, bà H chuyển khoản qua tài khoản số 9909894394, tại Ngân hàng V, đứng tên Trần Ngọc K, số tiền 20.318.000 đồng;

- Vào ngày 01/3/2023, bà H đưa bà K mượn số tiền 79.682.000 đồng, trực tiếp bằng tiền mặt;

Sau khi nhận đủ số tiền mượn nêu trên, bà K đã tự viết tay giấy mượn tiền với nội dung xác nhận lại tổng số tiền mượn của bà H là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thời gian trả: 05 tháng kể từ ngày 01/3/2023, (tức hạn cuối thanh toán: 01/8/2023), lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Theo bà H lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng. Sau khi viết biên nhận ngày 01/3/2023 thì bà K không trả lãi, cũng như trả tiền vốn vay cho bà H. Tính đến nay đã quá thời hạn thanh toán nhưng bà K vẫn không trả tiền vốn và không trả lãi cho bà H mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu bà K thanh toán nợ.

Tạm tính đến ngày 01/10/2023, bà Trần Ngọc K còn nợ bà Bùi Thị Thanh H số tiền vốn là 100.000.000 đồng và tiền lãi là:

- Lãi trong hạn từ ngày 01/3/2023 đến ngày 01/8/2023 là 100.000.000 đồng x 05 tháng x 20%/năm = 8.350.000 đồng.

- Lãi chậm trả tạm tính từ ngày 01/8/2023 đến ngày 01/10/2023 là 100.000.000 đồng x 02 tháng x 10%/năm = 1.660.000 đồng.

Nay bà Bùi Thị Thanh H yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

1. Buộc bà Trần Ngọc K phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Bùi Thị Thanh H số tiền nợ gốc là: 100.000.000 đồng.

2. Buộc Bà Trần Ngọc K có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trong hạn và số tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 01/10/2023 là: 8.350.000 đồng + 1.660.000 đồng = 10.010.000 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi là: 110.010.000 đồng

Yêu cầu bà Trần Ngọc K thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm (tính trên số nợ gốc) kể từ ngày 01/10/2023 đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật. Từ ngày 01/10/2023 lãi suất 10%/năm.

** Ý kiến của bị đơn bà Trần Ngọc K:*

Do quen biết nên vào khoảng giữa năm 2020 bà K có vay tiền của bà Bùi Thị Thanh H 02 lần; cụ thể: lần 1 vay số tiền 15.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận

7%/tháng. Lần 2 vay số tiền 15.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 7%/tháng, việc giao nhận tiền bằng hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên, số tài khoản nhận tiền từ bà H, hiện bà K đã huỷ bỏ nên không thể sao kê và giao nộp cho Toà án được. Thời gian 02 lần vay cách nhau vài ngày (bà K không nhớ rõ thời gian), sau khi vay bà K có đóng lãi cho bà H vài lần nhưng bà không nhớ rõ thời gian, cũng như số tiền đã đóng lãi là bao nhiêu.

Từ năm 2021 đến năm 2022 do dịch bệnh Covid-19 nên bà K có xin bà H cho bà ngưng đóng lãi và được bà H chấp nhận, việc thỏa thuận như trên chỉ nói qua điện thoại, không có ai biết hoặc chứng kiến và bà K cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Đến năm 2023, bà K đóng lãi cho bà H được 2 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 03/02/2023 đóng 1.050.000 đồng.
- Lần 2: Ngày 06/02/2023 đóng 1.050.000 đồng.

Đối với số tiền lãi đã đóng là 2.100.000 đồng, bà K không yêu cầu Toà án xem xét lại.

Sau đó, đến ngày 22/02/2023, bà H có trao đổi với bà K là cộng tiền lãi từ năm 2021 đến năm 2022 mà bà K chưa đóng, với tiền gốc vay trước đó 30.000.000 đồng và bà H sẽ chuyển khoản thêm cho bà K số tiền 20.318.000 đồng, thành số tiền 100.000.000 đồng (như vậy, trong đó có 50.318.000 đồng tiền vốn và 49.682.000 đồng tiền lãi). Do đó, ngày 22/02/2023, bà H đã chuyển vào tài khoản số 9909894394, của bà Trần Ngọc K tại Ngân hàng V, số tiền 20.318.000 đồng; (việc thỏa thuận như trên chỉ nói miệng, không có ai biết hoặc chứng kiến).

Sau đó, bà H yêu cầu bà K viết giấy mượn tiền ngày 01/3/2023, với nội dung xác nhận lại tổng số tiền mượn của bà H là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thời gian trả: 05 tháng kể từ ngày 01/3/2023, (tức hạn cuối thanh toán: 01/8/2023). Do bà H và bà K thống nhất lãi nhập vốn nên khi viết biên nhận trên không tính lãi suất. Việc bà H cho rằng, vào ngày 01/3/2023, bà H đưa bà K mượn số tiền 79.682.000 đồng, trực tiếp bằng tiền mặt là không đúng sự thật.

Bà K thừa nhận biên nhận trên do bà viết, chữ ký và chữ viết tên Trần Ngọc K trong giấy mượn tiền ngày 01/3/2023 đúng là của bà.

Sau khi viết biên nhận trên, vào ngày 30/5/2023, bà K đã chuyển khoản trả cho bà H số tiền 6.300.000 đồng, nên hiện nay bà K chỉ còn nợ bà H số tiền 93.700.000 đồng.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà K có ý kiến:

Hiện nay, bà K chỉ còn nợ bà H số tiền 93.700.000 đồng, nên chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền này. Hiện nay kinh tế của bà K rất khó khăn nên bà K yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, về tiền lãi, bà K yêu cầu bà H không tính lãi vì trong số tiền 100.000.000 đồng nêu trên đã có tiền lãi rồi.

** Tại phiên toà sơ thẩm:*

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Trước đây, do bà H và bà K là chỗ quen biết nên bà H có cho bà K vay tiền nhiều lần và bà K đều trả đủ. Đối với số tiền bà K chuyển khoản cho bà H vào ngày 03/02/2023 số tiền 1.050.000 đồng và ngày 06/02/2023 số tiền 1.050.000 đồng, bà K trả cho khoản vay đã tất toán trước đây, không liên quan gì đến khoản vay mà bà H đang khởi kiện.

Việc bà K cho rằng trong số tiền vay 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/3/2023, chỉ có số tiền vốn vay là 50.318.000 đồng và tiền lãi từ năm 2020 đến năm 2022 là 49.682.000 đồng là không đúng sự thật. Sau khi viết biên nhận ngày 01/3/2023, bà K đã trả cho bà H số tiền 6.300.000 đồng nhưng bà K không nói rõ là trả lãi hay vốn nên bà H đồng ý trừ vào tiền vốn vay. Do đó, tại phiên Toà nguyên đơn bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà K trả số tiền vốn vay là 93.700.000 đồng và tiền lãi trong hạn từ ngày 01/3/2023 đến ngày 01/8/2023 là 7.823.950 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 01/8/2023 đến nay là 3.110.840 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi bà H yêu cầu là 104.634.790 đồng.

- Bị đơn bà Trần Ngọc K trình bày: Tại phiên toà, bà K xác định bà bắt đầu vay tiền của bà H từ năm 2019, đối với những nội dung đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bà không thay đổi, bổ sung gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2023/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 54/2023/QĐ-SCBSBA, ngày 05/12/2023 cùng của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh H.

Buộc bà Trần Ngọc K có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Thanh H số tiền vốn và lãi tính đến ngày 27/11/2023 là 96.693.194 đồng, trong đó, tiền vốn vay là 93.700.000 đồng và tiền lãi vay là 2.993.194 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn vay chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thanh H về việc yêu cầu bà Trần Ngọc K trả số tiền lãi vay là 8.779.690 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 08/12/2023, nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh H kháng cáo một phần bản án nêu trên và yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa án theo hướng buộc bà K

trả thêm phần lãi trong hạn là 7.777.100 đồng.

- Ngày 12/12/2023, bị đơn bà **Trần Ngọc K** kháng cáo bản án nêu trên và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án theo hướng cho bà trả dần hàng tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Đoàn Huy H1** không rút lại đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; bị đơn bà **Trần Ngọc K** không rút lại đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đồng thời, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà **Bùi Thị Thanh H**, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Trần Ngọc K** và sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của nguyên đơn bà **Bùi Thị Thanh H** và bị đơn bà **Trần Ngọc K** là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Bùi Thị Thanh H** vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa; việc vắng mặt của họ không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Tại phiên Tòa sơ thẩm nguyên đơn bà **H** thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà **K** trả số tiền vốn vay là 93.700.000 đồng và tiền lãi trong hạn từ ngày 01/3/2023 đến ngày 01/8/2023 là 7.777.100 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 01/8/2023 đến nay là 2.993.194 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi bà **H** yêu cầu là 104.470.294 đồng.

[3.2] Bị đơn bà **K** chỉ đồng ý trả cho bà **H** số tiền 93.700.000 đồng và xin trả hàng tháng là 3.000.000 đồng đến khi dứt nợ, vì hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn và xin tiền lãi, vì trong số tiền 100.000.000 đồng nêu trên đã có tiền lãi rồi.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà **Bùi Thị Thanh H** kháng cáo một phần bản án nêu trên và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án theo hướng buộc bà **K** trả thêm phần lãi trong hạn là 7.777.100 đồng. Xét thấy:

[4.1] Tại tin nhắn bằng Zalo giữa bà H và bà K từ bút lục số 95 đến bút lục số 104 thể hiện là bà K vay tiền của bà H với lãi suất thỏa thuận ngoài biên nhận mượn tiền ngày 01/3/2023 là 5%/tháng và tại tòa hôm nay bà K thừa nhận Zalo trên là do bà với bà H nhắn tin qua lại và hai bên có thỏa thuận lãi suất ngoài biên nhận là 5%/tháng. Do đó, có căn cứ khẳng định bà K vay tiền của bà H lãi suất thỏa thuận ngoài biên nhận là 5%/tháng.

[4.2] Tại tòa, ông H1 đại diện theo ủy quyền của bà H yêu cầu bà K trả lãi 20%/năm bằng 1,66%/tháng từ ngày 01/3/2023 đến ngày 01/8/2023 bằng 05 tháng là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác....”.

[4.3] Như vậy, số tiền vốn là 93.700.000đồng x 1,66%/tháng x 05 tháng bằng 7.777.100 đồng.

[4.4] Từ những phân tích tại các tiểu mục [4.1] đến tiểu mục [4.3] mục [4] thì kháng cáo của bà H là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Ngọc K:

[5.1] Xin trả số tiền vốn 93.700.000 đồng cho bà H và xin trả hàng tháng là 3.000.000đồng đến khi dứt nợ. Xét thấy, yêu cầu này của bà K không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, còn việc trả hàng tháng 3.000.000đồng đến khi dứt nợ thì đến giai đoạn Thi hành án sẽ xem xét. Do đó, yêu cầu này của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

[5.2] Xin bà H không tính lãi, vì số tiền 100.000.000đồng nêu trên đã có lãi rồi. Xét thấy:

[5.2.1] Tại hồ sơ và tại tòa bị đơn bà Trần Ngọc K thừa nhận giấy mượn tiền ngày 01/3/2023 là do bà K viết và ký tên, tính đến nay, bà K còn nợ bà Bùi Thị Thanh H số tiền là 93.700.000 đồng và đồng ý trả cho bà Bùi Thị Thanh H số tiền này. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tình tiết không phải chứng minh là có căn cứ.

[5.2.2] Theo bà K cho rằng trong số tiền 100.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 01/3/2023 có 50.318.000 đồng tiền vốn vay và 49.682.000 đồng tiền lãi và khi bà viết biên nhận thì bà bị bà H lừa dối nhưng bà K không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh có lãi nhập vốn, có sự lừa dối và bà H cũng không thừa nhận. Do đó, lời trình bày của bà K không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[5.3] Từ những phân tích tại mục [5.2] thì việc kháng của bị đơn xin lãi và trả vốn vay dần; phía người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý. Do đó, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của

nguyên đơn bà **Bùi Thị Thanh H** và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Trần Ngọc K** và **S** án sơ thẩm. Án bị sửa, cấp sơ thẩm không lỗi do có chứng cứ mới.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do án bị sửa, nên các đương sự không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà **Bùi Thị Thanh H**; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Trần Ngọc K**. Sửa Bản dân sự sơ thẩm số 142/2023/DS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 54/2023/QĐ-SCBSBA ngày 05/12/2023 cùng của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng như sau: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Bùi Thị Thanh H**.

Buộc bà **Trần Ngọc K** có nghĩa vụ trả cho bà **Bùi Thị Thanh H** số tiền vốn và lãi tính đến ngày 27/11/2023 là 104.470.294 đồng, trong đó, tiền vốn vay là 93.700.000 đồng và tiền lãi vay là 10.770.294 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn vay chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà **Trần Ngọc K** phải chịu số tiền 5.223.514 đồng.

2.2. Bà **Bùi Thị Thanh H** không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà **Bùi Thị Thanh H** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0011509 ngày 10/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

3.1. Bà **Bùi Thị Thanh H** không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà **Bùi Thị Thanh H** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0001353 ngày 18/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Bà **Trần Ngọc K** không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà **Trần Ngọc K** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0001359 ngày 19/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- Lưu: TDS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Phụng

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Toàn Nguyễn Hoàng Thành

Hồ Văn Phụng